

**Viết nên một danh nhân: Tô Hiến Thành trong sử liệu thành văn****Đỗ Thị Thùy Lan\*, Đỗ Thị Hương Thảo**

*Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội,  
336 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam*

Ngày nhận bài 14/4/2026; ngày chuyển phản biện 16/4/2026;

ngày nhận phản biện 5/5/2026; ngày chấp nhận đăng 14/5/2026

**Tóm tắt:**

Bài viết phục dựng hình tượng lịch sử Tô Hiến Thành, một đại thần tiêu biểu của Đại Việt thế kỷ XII, dựa trên hệ thống sử liệu thành văn. Nguồn tư liệu bao gồm chính sử, biên niên, thư tịch tôn giáo, bi ký và văn khắc, trải dài từ thế kỷ XII đến XIX. Thông qua phương pháp hệ thống hóa, đối sánh và phê phán sử liệu, nghiên cứu làm rõ vai trò trụ cột của ông trong chính trị, quân sự và ổn định quốc gia thời Lý, đặc biệt trong giai đoạn chuyển giao quyền lực từ Lý Anh Tông sang Lý Cao Tông. Bài viết nhấn mạnh giá trị nổi trội của tư liệu đương thời và cận thời trong việc tái hiện lịch sử, đồng thời xem thư tịch đời sau như nguồn bổ sung và đánh giá. Qua tiến trình sử chí học, Tô Hiến Thành hiện lên nhất quán như một hình mẫu về tài năng, cống hiến và phẩm chất đạo đức, tạo nên một di sản bền vững kéo dài hơn tám thế kỷ.

**Từ khóa:** Đại Việt, lịch sử Việt Nam trung đại, nhân vật lịch sử, phê phán sử liệu, sử chí học, sử liệu thành văn, Tô Hiến Thành, triều Lý.

**Chỉ số phân loại: 5.9**

**Constructing a historical figure: To Hien Thanh in written sources**

**Thi Thuy Lan Do\*, Thi Huong Thao Do**

*Faculty of History, VNU - University of Social Sciences and Humanities,*

*336 Nguyen Trai Street, Thanh Xuan Ward, Hanoi, Vietnam*

Received 14 April 2026; revised 5 May 2026; accepted 14 May 2026

**Abstract:**

This article reconstructs the historical figure of To Hien Thanh, a leading statesman of twelfth-century Dai Viet, based on a comprehensive corpus of written sources. These include dynastic histories, chronicles, religious texts, inscriptions, and epigraphic materials dating from the twelfth to the nineteenth centuries. Through systematic comparison and critical source analysis, the study reassesses the historical evidence concerning his career and highlights his central role in governance, military affairs, and the maintenance of state stability under the Ly Dynasty, particularly

---

\*Tác giả liên hệ: Email: landtt@ussh.edu.vn

during the political transition from Ly Anh Tong to Ly Cao Tong. It also examines how successive generations of historians and compilers represented his life and achievements, revealing both continuity and reinterpretation in the historical tradition. The article emphasises the evidentiary value of contemporaneous and near-contemporaneous sources for reconstructing historical realities, while treating later texts as supplementary and interpretive materials. Across the *longue durée* of historiography, To Hien Thanh is consistently portrayed as an exemplary figure of talent, loyal service, and moral integrity, resulting in an enduring legacy that has shaped Vietnamese historical memory for more than eight centuries.

**Keywords:** Dai Viet, historical figure, historiography, Ly Dynasty, pre-modern Vietnam, source criticism, To Hien Thanh, written sources.

**Classification number:** 5.9

## 1. Đặt vấn đề

Tô Hiến Thành (?-1179) là một nhân vật lịch sử quan trọng của Đại Việt thế kỷ XII. Ông là một trong những Tể tướng đầu triều của nhà Lý (1009-1226), đóng góp to lớn trong bảo vệ, phát triển quốc gia và triều đại thời Lý Anh Tông (1137-1175), nhiếp chính, phò giúp ấu chúa trong giai đoạn đầu triều Lý Cao Tông (1175-1210). Tô Hiến Thành cùng Lý Thường Kiệt là hai đại quan được ban tước “Vương”, ngang với hoàng tộc. Từ chính sự đến dân gian, từ ký ức cộng đồng đến di tích tín ngưỡng, ông là hiện thân cho tài năng, công hiến văn võ song toàn, vị đại thần trung liệt, công minh, chính trực. Những hiểu biết và tôn vinh Tô Hiến Thành đã có nhiều và từ lâu, hàn lâm cũng như đại chúng, nhưng hiện trạng thiếu bài bản, hệ thống và có những thông tin không chính xác do hạn chế trong phê phán sử liệu. Bản thân chúng tôi, ở các nghiên cứu trước, đã tiếp cận nhân vật này từ góc nhìn văn hóa học [1] hoặc từ sử học, nhưng nhấn mạnh đến bối cảnh phát triển Nho giáo và thể chế quân chủ tập quyền Lý nửa sau thế kỷ XII [2]<sup>1</sup>. Ở bài viết này, tiếp tục căn cứ vào sử liệu thành văn, gồm biên niên sử thời Trung đại, tư liệu tôn giáo cận thời đại, bi ký, văn khắc đương đại thế kỷ XII, chúng tôi phục dựng nhân vật Tô Hiến Thành một cách chân xác, đầy đủ nhất trên cơ sở hệ thống hóa, đối sánh, khảo cứu và cập nhật tư liệu. Chúng tôi cho rằng, sử liệu càng đương đại hoặc cận thời đại càng có sức mạnh tái hiện thực tiễn, trong khi đó thư tịch đời sau có ý nghĩa bổ sung, đánh giá, khảo xét. Là nhà sử học, cần đọc hiểu quá khứ một cách khách quan, vượt lên trên những quan điểm cá nhân hay thời đại tác thành văn bản. Đối với Tô Hiến Thành, băng qua mọi thời gian của sử chí

---

<sup>1</sup>Ở nghiên cứu này, chúng tôi cho rằng Tô Hiến Thành là một trong những kiến trúc sư quan trọng nhất cho sự phát triển Nho giáo, khoa cử Nho học và đường hướng phát triển vương triều quân chủ tập quyền theo điển chế Đông Á ở Đại Việt nửa cuối thế kỷ XII. Nhận định này có được không phải trực tiếp hiển lộ từ thư tịch cổ, nhưng lời bản “lễ cô” của Ngô Sĩ Liên [11] và việc biên chép Tô Hiến Thành xin lập Văn Miếu năm 1156 của sử quán triều Nguyễn (dù là tư liệu muộn, đời sau) [17] đã hỗ trợ cho quan điểm của chúng tôi.

học (*historiography*), những ngợi ca, ghi nhận ngày càng tăng tiến và không có dấu hiệu suy đồi<sup>2</sup>, tạo nên một di sản toàn bích mà không phải luôn tìm thấy ở mọi nhân vật lịch sử.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Thăng tiến trong bối cảnh biến động

Hơn hai trăm năm tồn tại lâu dài của triều đại, không thể có một thực thể chính trị - tư tưởng Lý bất biến, tiền hậu như nhất. Sau ba đời vua đầu tiên với bài toán về quyền uy và tính chính danh của nhà Lý [3], cũng là khi vai trò cá nhân của các vị Hoàng đế còn vượt trội [4]; triều Lý Nhân Tông (1072-1127) có nhiều thành tựu rực rỡ nhưng lại là một phức hợp Phật - Nho đầy biến chuyển, quanh co, hỗn tạp [5]. Từ đây, và nhất là từ đời Lý Thần Tông (1127-1137) mang tính bước ngoặt [6], nhà Lý bước vào giai đoạn nửa sau triều đại với các đặc điểm khủng hoảng kế vị, sự nổi lên của các đại thần ngoại tộc (bao hàm cả họ ngoại của vua) và phe phái cung đình, nhưng cũng dần định vị bản thể và đường hướng phát triển của thiết chế quân chủ. Không rõ năm nào Tô Hiến Thành ra đời, nhưng ông sinh trưởng chính trong thời kỳ này, được hậu thế ghi chép là “từ lúc nhỏ đã có tài lược văn vũ, đức trí cũng giỏi” [7]. Tô Hiến Thành có người cậu là Thiền sư Trí Bảo (?-1190) thuộc thế hệ thứ 10 thiền phái Vô Ngôn Thông thời Lý, quê quán tại Ô Diên, Vĩnh Khương [8], tức làng Hạ Mỗ, đất Đan Phượng<sup>3</sup>. Theo giả thuyết của Momoki Shiro, Tô Hiến Thành khả năng có quan hệ họ hàng với Tô thị là vợ của Thái úy Đỗ Anh Vũ [9], đại thần phò tá vua Lý Thần Tông và phụ chính triều Lý Anh Tông (1137-1175), tiền nhiệm của Tô Hiến Thành.

Đỗ Anh Vũ (1113-1159) là điển hình hội tụ các đặc điểm của giai đoạn nửa sau triều Lý. Ông liên quan và có mặt [10]<sup>4</sup> trong hai cuộc khủng hoảng kế vị, chuyển giao giữa hai đời vua Nhân Tông sang Thần Tông và giữa Thần Tông với Anh Tông. Anh Vũ có chị gái Đỗ thị, mẹ đẻ của Thần Tông Lý Dương Hoán. Không chỉ là cậu ruột của Hoàng đế, Anh Vũ xuất thân và liên kết với những nhân vật và dòng tộc lớn của triều đình Lý là Lý Thường Kiệt (họ Quách) và Lê gia ở châu Chân Đẳng (với Thái hậu Lê thị, tức Cảm Thánh phu nhân, mẹ sinh của Anh Tông) [10, 11]. Những biến động cung đình Lý càng trở nên dữ dội khi bước vào triều Thần Tông, các bộ sử sớm như *Đại Việt sử lược*, *An Nam chí lược* chép ngắn ngủi về vương triều chóng vánh [12, 13]; *Đại Việt sử ký toàn thư* ghi nhận sự thay đổi đáng kể của bộ máy triều đình và một loạt cái chết của các thành viên hoàng tộc; từ hải ngoại, tư liệu *Tĩnh Thiện Lý thị tộc phả* cho biết một chuyện tị nạn chính trị đầu tiên của hoàng thân Lý Dương Côn sang bán đảo Triều Tiên do căng thẳng chính trị cuối triều Lý Nhân Tông [14]. Cũng tự xưng là hậu duệ của Nhân Tông chạy sang nước Đại Lý (Vân Nam, Trung Quốc) lấy tên Triệu Trí Chi, Thân Lợi đầu thập kỷ 1140 nổi dậy ở vùng cao

<sup>2</sup>Như ta thấy ở một số nhân vật lịch sử khác, điển hình là cặp nhân vật Nguyễn Huệ/Quang Trung và Nguyễn Anh/Gia Long trong nghiên cứu công phu của Nguyễn Quốc Vinh (N.Q. Vinh (2023), *From Dynasty to Nation: A Historiography of the Dueling Portraits of Nguyen Hue and Nguyen Anh*, Doctoral Dissertation, Harvard University Graduate School of Arts and Sciences, 416pp).

<sup>3</sup>Nay thuộc xã Ô Diên, thành phố Hà Nội.

<sup>4</sup>*Cự Việt quốc Thái úy Lý công thạch bi minh tự* 鉅越國太慰李公石碑銘序, niên đại 1159.

Đông Bắc, giáp biên giới Lý - Tống khiến triều đình Thăng Long hai lần cử quân tướng mới bình định được. Không khí bất ổn từ hoàng cung ra biên viễn Đại Việt đầu triều Anh Tông còn lưu lại trong *Quế Hải ngư hành chí* (1175) gần 40 năm sau [15], khi Quảng Tây Kinh lược sứ Phạm Thành Đại (1126-1193) gộp sự kiện nổi dậy của Thân Lợi với vụ việc hoán đổi kế vị giữa Hoàng thái tử Thiên Lộc và người em trai Thiên Tộ (sau là Anh Tông) trước sức ép của đại tộc Lê, đồng thời cung cấp thêm thông tin về âm mưu đoạt lại ngôi vua của người anh, sau khi bị phế làm Tri châu Lạng Châu<sup>5</sup>.

Cũng từ Lạng Châu và trong bối cảnh biến động đó, Tô Hiến Thành xuất hiện lần đầu trong sử sách và trên chính trường Đại Việt. Sử chép chính trong đợt trấn áp Thân Lợi lần thứ hai, Thái úy Đỗ Anh Vũ mới đánh thắng được cuộc nổi dậy; song, bản thân chủ tướng giặc thua chạy sang châu Lạng; phải đến lần tiến quân thứ ba, *Thái phó* Tô Hiến Thành mới bắt được Thân Lợi, giao cho Anh Vũ đóng cũi giải về kinh sư [11]. Không thể biết giả thuyết về liên hệ giữa Tô thị và Tô Hiến Thành của Momoki Shiro có là chính xác, chiến dịch trấn áp Thân Lợi lần thứ nhất, tháng 2 năm 1141, còn có một nhân vật Thị vệ đô Tô Tiệm (蘇漸) [16]<sup>6</sup> là tướng tiên phong (?); nhưng một điều dễ nhận ra là Tô Hiến Thành, cả cá nhân và sự nghiệp, đều gắn kết với Đỗ Anh Vũ nói riêng, liên minh Lê - Đỗ đang thăng thế trong cung đình Lý nói chung. Tư liệu văn khắc đương thời cho biết, khi Đỗ Anh Vũ qua đời, đầu năm 1159, “Thái phó Tô công phụng chỉ giúp đỡ việc ma chay” (太傅蘇公承旨而助喪) [10]. Biên niên sử cho thấy, các hoạt động và đóng góp của Tô Hiến Thành trở nên trù mật sau cái chết của vị tiền nhiệm, và trong vòng 20 năm (1159-1179) mọi việc chính trị, quân sự trong triều ngoài trấn của Đại Việt đều do Tô Hiến Thành đảm nhiệm, đúng như nhận xét vua Phan Huy Chú [7].

Khác với Đỗ Anh Vũ, người bị các thế hệ sử gia nhiều lần chê trách, Tô Hiến Thành tuy kế nhiệm và cùng chí hướng phát triển vương triều quân chủ tập quyền với thế lực họ Đỗ, nhưng không một dòng nào, chữ nào trong sử sách để lại điều tiếng về ông. Bộ sử muộn đời sau chép việc ngay từ đầu, bên cạnh việc lập chiến công tạo dựng uy tín, Tô Hiến Thành cũng thể hiện là người nhân nghĩa, bác ái khi, năm 1143, tâu xin Lý Anh Tông tha tội lưu đày cho hơn 400 người bè đảng của Thân Lợi [17]<sup>7</sup>. Cũng ngay sau đám tang của Đỗ Anh Vũ, nước Ngưu Hống mùa xuân còn dâng voi hoa [11], mùa hạ đã làm phản, nên tháng 5 năm 1159, Tô Hiến Thành được sai đi đánh Ngưu Hống và Ai Lao. Giành

<sup>5</sup>Phạm Thành Đại khả năng đã ghép lần Hoàng thái tử Thiên Lộc với Thân Lợi/Triệu Trí Chi trong khủng hoảng kế vị giữa hai triều Thần Tông và Anh Tông. Dù gì, đối sánh với thư tịch cổ Việt Nam, có thể nhận biết hai điểm: *Một là*, ngôi vị của Anh Tông cuối thập niên 1130 - đầu thập niên 1140 bị đe dọa với hai thế lực, là Thân Lợi và cự Hoàng thái tử Thiên Lộc, đều ở vùng biên viễn giáp đất Tống; *Hai là*, thế lực đưa Thiên Tộ lên ngôi, trở thành Anh Tông là cự tộc Lê, với không chỉ hai phụ nhân Cẩm Thánh và Phụng Thánh họ Lê vợ Thần Tông, mà còn có nhân vật Lê Mưu (黎牟), nhận Thiên Tộ làm con nuôi và thậm chí *Quế Hải chí* chép dân trong nước thời gian đầu còn gọi Anh Tông là “Lê vương” (黎王) [15].

<sup>6</sup>Niên sử 1136 còn có một nhân vật Hòa đầu đô Tả Hưng Thánh là Tô Vũ (蘇武) [16]?

<sup>7</sup>Sự kiện này, *Toàn thư* và *Tiền biên* chỉ chép việc xuống chiếu tha tội lưu cho các bè đảng Thân Lợi mà không diễn giải thêm [11, 18].

chiến thắng, trận này quân triều Lý bắt được nhiều người, trâu ngựa voi cùng rất nhiều vàng bạc châu báu; Tô Hiến Thành được phong làm *Thái úy* [11, 17, 18].

Như vậy, khi xuất hiện trên chính trường Đại Việt, niên sử 1141, Tô Hiến Thành đã mang chức Thái phó. Đến thời điểm này, năm 1159, ông được ban thêm chức Thái úy. Thái phó là một trong ba trọng chức đứng đầu triều đình bên hàng văn quan, là *Tam Thái* (三太), hay còn gọi *Tam Công* (三公), gồm *Thái sư*, *Thái phó* và *Thái bảo*. Dưới *Tam Thái* còn có *Tam Thiếu* (còn gọi là *Tam Cô* 三孤), gồm *Thiếu sư*, *Thiếu phó* và *Thiếu bảo*. Còn Thái úy là một trong hai trọng chức đầu triều bên hàng quan võ, gồm *Thái úy* và *Thiếu úy* (hình 1). Chức Thái úy có từ thời Tần - Hán - Đường của Trung Quốc, là võ tướng tối cao của triều đình, hưởng Chánh nhất phẩm [19]; ở triều Lý của Đại Việt, có thể coi là quan Tể tướng đại thần, nắm giữ quyền lực quân sự then chốt, đúng như nhà sử học Đặng Xuân Bảng nhận xét [20]. Từ đây mở ra hai thập kỷ cống hiến sôi nổi của Thái úy Tô Hiến Thành, trong đó trước hết phải kể đến là vai trò xây dựng quân đội, bảo vệ an ninh biên giới và phòng thủ quốc gia.

## 2.2. Bảo vệ an ninh biên giới và phòng thủ quốc gia

Trong quân đội, tuyển lính là quan trọng, ở triều Lý, hoạt động này được giao cho các đại trọng thần. Năm 1160, vua Lý Anh Tông sai Tô Hiến Thành và Phí Công Tín đi tuyển các đỉnh tráng khỏe mạnh bổ sung quân ngũ, đồng thời chọn các tướng hiệu, là những người am tường binh pháp, thông thạo võ nghệ, được chia ra cai quản [11, 17, 18]. Sự kiện này, Phan Huy Chú bỏ sót Tô Hiến Thành (chỉ chép Công Tín với quốc tính Lý) [21], nhưng xét cục diện chính trường Thăng Long lúc này, Tô Hiến Thành có thể coi là “dưới một người mà trên muôn người”: Công Tín giữ chức Thiếu sư và/hoặc Thiếu bảo, Lưu Khánh Đàm vẫn đương Thái úy nhưng đã già và qua đời vào năm sau đó (1161)<sup>8</sup>, đây cũng là lúc nhà Lý trông chức Thái sư (từ sau khi Mậu Du Đô [22]<sup>9</sup> mất năm 1146 đến trước năm 1175 Cao Tông cử Đỗ An Thuận).

Cũng chính vì vậy, thập kỷ 1160 mang đậm dấu ấn võ công của Tô Hiến Thành, đặc biệt trong trấn trị, phòng thủ an ninh lãnh thổ ở cả khu vực thượng nguồn cũng như hạ du ven biển. Niên sử 1161, nếu *Đại Việt sử lược* chỉ ghi nhận có biến phản ở vùng biên viễn phía Nam của Đại Việt [12], thì các bộ sử thời Lê - Nguyễn đều nhất loạt chép việc Tô Hiến Thành được cử làm Đô tướng, Đỗ An Di làm Phó tướng, đem 2 vạn quân đi tuần

<sup>8</sup>*Toàn thư* chép Phí Công Tín được ban quốc tính, giữ chức Thiếu sư cuối triều Lý Thần Tông, sang triều Anh Tông xuống chức Thiếu bảo [11]. Tuy nhiên, *Việt sử lược* vẫn chép chức Thiếu sư của Phí Công Tín vào niên điểm 1161 [12]; Nhân vật Thái úy Lưu Khánh Đàm được *Toàn thư* chép 02 lần qua đời, vào năm 1136 và 1161 (tháng 11 âm). Tuy nhiên bia mộ *Hoàng Việt Thái phó Lưu quân mộ chí* (皇越太傅劉君墓誌) thì cho biết ông mất vào ngày trọng đông năm Tân Tị [10], do đó niên đại 1161 là đúng đắn, vì tư liệu mộ chí vừa đương thời, vừa trực tiếp, có độ tin cậy cao hơn, thậm chí là chính xác. Lưu Khánh Đàm có mặt trong sự kiện chuyển giao kế vị giữa Nhân Tông và Thần Tông; tuy nhiên sau đó, Lưu Khánh Đàm có vai trò mờ nhạt so với Lê Bá Ngọc, Mậu Du Đô triều Thần Tông; Đỗ Anh Vũ và Tô Hiến Thành triều Anh Tông.

<sup>9</sup>Mậu Du Đô (牟俞都, ?-1146), là Thái sư triều Lý Anh Tông từ năm 1142. Sau đó, *Toàn thư* cho biết có một nhân vật Lý Du Đô làm Thái sư trí sĩ (hưu trí) từ 1156 đến 1169, không biết có phải là nhân vật này? *Việt sử lược* chép là “Mâu Đô Du”, tuy nhiên tên “Du Đô” là theo kinh điển Nho giáo [22].

các nơi ven biển Tây Nam, trấn an miền biên giới. Lý Anh Tông đích thân tiến đến cửa biển Thần Đầu huyện Đại An, tức cửa biển Thần Phù thời Lê, rồi mới trở về Kinh [11, 17, 18]. Sự kiện này cho thấy hai điểm: *Thứ nhất*, sau Đỗ Anh Vũ, Tô Hiến Thành gắn với nhân vật họ Đỗ tiếp theo, nhưng với vai trò dẫn dắt (thay vì làm phó như trước); *Thứ hai*, hoạt động tuần tra ven biển của nước Đại Việt có từ khá sớm, gắn liền Tô Hiến Thành.

Lịch sử chủ quyền biển đảo của Việt Nam nói chung, Đại Việt nói riêng, thường nhấn mạnh triều đại Lý Anh Tông như mốc mở đầu cho một “chiến lược biển” cả trong ý tưởng lẫn thực tiễn; các niên đại 1171 và 1172, khi nhà vua liên tục tổ chức các cuộc tuần hành hải đảo, xem hình thế núi sông, ghi chép phong vật, vẽ bản đồ địa giới các phiên bang Nam, Bắc [11, 17, 18], đánh dấu thời điểm đầu tiên quốc gia khẳng định, thực thi chủ quyền trên biển [23]. Tuy nhiên, xét cả quá trình gần một phần tư thế kỷ<sup>10</sup>, khi Anh Tông mới ở độ tuổi niên thiếu, và trong khi cùng thời điểm tháng 10 năm 1147 [17], Đỗ Anh Vũ được cử lên phủ Phú Lương khảo xét quan đĩnh; thì nhiều khả năng việc thiết kế và thực thi “chiến lược biển” thuộc về quan đại thần và là đại thần khác trong triều. Tư liệu địa phương vùng duyên hải Đông Bắc nói riêng, miền Bắc Việt Nam nói chung, cho thấy dấu ấn sâu đậm của Tô Hiến Thành với trù mật các đền đình, thần tích, thần sắc [1, 24]. Do đó, cũng chép về niên sử 1161, các sử gia triều Nguyễn đã gọi tên sự kiện là “Tháng 11, sai Thái úy Tô Hiến Thành đi tuần vùng biên giới” (巡邊) và tách bạch rõ đi tuần hành, phòng bị ở hai vùng là biên giới Tây Nam (*Tây Nam thủy*) và miền ven biển (巡備西南陲及沿海等處) [17, 25]<sup>11</sup>, có thể hiểu là biên giới Tây Nam của Đại Việt nói chung và nhiều vùng ven biển. Bình luận về hai sự kiện tuần biển đảo của Lý Anh Tông đầu thập kỷ 1170, Ngô Thì Sĩ cho rằng, đó đều là công lao và tầm nhìn của Tô Hiến Thành: “Từ khi Anh Vũ chết, *Tô Hiến Thành làm Thái úy, nắm binh quyền. Từ đấy mới tuyển quân chọn tướng, cho quan võ luyện tập đánh giặc phá trộm. Việc quân cơ, việc phòng biên giới một phen chấn chỉnh*. Chính sự năm [Chính Long] Bảo Ứng (1163-1174) so với cuối năm Đại Định (1140-1162), thời có lúc chăm chỉ; có lúc trễ nải lúc làm lúc bỏ khác hẳn nhau. Kinh Thi có câu: “vô cạnh duy nhân” [không gì mạnh bằng người]. Kinh Dịch có câu: “sư chinh trượng nhân cát” [dùng quân theo chính nghĩa mà có người giỏi thì tốt]. *Hiển Thành là người như vậy*” [18].

Một sự kiện khác cũng cho thấy vai trò “tuần biên” của Tô Hiến Thành không chỉ ở các khu vực duyên hải, lần này, lại được chép duy nhất trong bộ sử sớm là *Đại Việt sử lược*. Theo đó, vào tháng 3 năm Giáp Thân (1164), dân Man Lộng Lạc ở “giang Mang Quán” (Mường Quán, Sơn La ngày nay) làm phản, Lý Anh Tông sai Tô Hiến Thành đi

<sup>10</sup>Từ các niên điểm 1147, khi triều Lý cho đóng thuyền [11], lập hành dinh ở trại Yên Hưng [11, 18]; hay 1149 cho lập trang Vân Đồn [11, 18, 17], đều ở vùng biển Đông Bắc.

<sup>11</sup>Chính biên, Quyển V, tờ 11, đường dẫn <https://lib.nomfoundation.org/collection/1/volume/255/page/11>, truy cập ngày 23/3/2026. Trong khi đó, *Toàn thư* chỉ chép chung chung một vùng là “hải biên”: 巡西南海邊等處 [16]. Cũng chính *Cương mục* đã cố gắng hợp lý hóa sự kiện năm 1161 trong *Việt sử lược*, Phí Công Tín đi đánh “trường Bình Long” (khả năng là khu vực Thanh-Nghệ-Tĩnh, phía Tây Nam của Thăng Long) với việc Phí Công Tín dẹp yên binh lính đảo ngũ năm 1163 (được chép trong *Toàn thư*, *Tiền biên*) và đưa vào niên điểm 1161 này [17].

đẹp, phá được [12]. Đây là lần thứ hai Tô Hiến Thành chinh thảo thành công vùng cao biên viễn phía Tây của Đại Việt, nơi các bộ tộc Thái chưa thực sự quy thuận triều đình Thăng Long. Trong bối cảnh triều Lý chưa tiến mạnh sang phía Tây như các triều đại sau, nhất là thời Lê Sơ (1428-1527), Tô Hiến Thành là tướng Đại Việt đầu tiên đánh Nguưu Hống, thứ hai (sau tướng Phùng Trí Năng năm 1048) [11, 17] đánh Ai Lao, và cũng thứ hai (sau vua Lý Thánh Tông năm 1065) đánh “châu Mang Quán” [12].

Vai trò gìn giữ bảo vệ an ninh biên giới quốc gia của Tô Hiến Thành không chỉ ở những chiến công chinh phạt, đối với mặt trận phía Nam tiếp giáp Chiêm Thành, hướng phát triển lãnh thổ chủ yếu của Đại Việt và bắt đầu đạt thành tựu từ thời Lý, ông còn thể hiện khả năng thương thuyết, phủ dụ để tránh binh đao, mà vẫn duy trì được ổn định, trật tự giữa hai nước và do đó là hòa bình khu vực. Dưới thời Lý, cụ thể từ triều Lý Thánh Tông (1054-1072), biên cương phía Nam của Đại Việt đã tiến xuống bờ sông Thạch Hãn (Quảng Trị), với sự sáp nhập ba châu Bố Chính, Địa Lý và Ma Linh của Champa vào lãnh thổ năm 1069; đến năm 1075 đổi thành Bố Chính, Lâm Bình và Minh Linh, chiêu mộ dân đến khai khẩn, định cư [11, 17, 18]. Năm 1165, *Đại Việt sử lược* chỉ ghi nhận thông tin Champa cử sứ đoàn tới triều cống [12]. Tuy nhiên, các bộ sử thời Lê - Nguyễn đều khắc họa tình hình căng thẳng ở phía Nam sông Thạch Hãn. Rất có thể chính trong lần tiến cống này, sứ Chiêm Thành, khi đi đến miền hai châu Ô, Lý<sup>12</sup> vào tháng 3 năm 1166, đã thay đổi ý định, dùng “quân phong thủy” (ma thuật của thầy tăng 魔僧) vượt biển vào cướp bóc dân cư duyên hải Đại Việt rồi rút về [11, 16-18]. Trong khi cả *Toàn thư* và *Tiền biên* chỉ chép việc năm sau đó (1167), Thái úy Tô Hiến Thành được sai đi đánh Chiêm Thành<sup>13</sup>; rồi bổng mùa đông, tháng 10 cùng năm, Champa lại sang sứ, dâng trân châu và sản vật địa phương để cầu hòa; vua Lý Anh Tông xuống chiếu cho Tô Hiến Thành rút quân về; thì *Cương mục*, tuy chép gộp cả ba sự kiện trong hai năm vào cùng một thời điểm là tháng 7 năm 1167, nhưng đã bổ sung lý giải về sự việc. Theo đó, khi “Hiển Thành đem quân đến nước Chiêm, đưa thư cho chúa Chiêm, quở trách về việc không giữ lễ phiên thần, lại tỏ bày sự lợi hại để chiêu dụ. Chúa Chiêm sợ, sai sứ sang dâng châu báu... để xin hòa” [17]. Sự giải thích này là hợp lý, tạo sự liền mạch, logic giữa các sự kiện. Cũng không có gì ngạc nhiên về cách xử trí uy danh, nhân nghĩa này của vị Thái úy, khi chính ông, hơn 20 năm trước, đã từng xin tha tội cho hàng trăm bè đảng Thân Lợi sau khi trấn áp thành công. Lần này, tướng ra quân mà không mất mũi tên hòn đạn, không đánh mà cũng thắng, không dùng vũ lực mà khiến kẻ địch khiếp nể, thì đó cũng là một chiến thắng. Điểm này, một lần nữa, ta thấy sự khác biệt giữa Tô Hiến Thành và người tiền nhiệm tai tiếng Đỗ Anh Vũ, khi sứ thần Ngô Thì Sĩ có một ghi chú nhỏ về Anh

<sup>12</sup>Tên Chăm là *Vuyar* (châu Ô) và *Ulik* (châu Lý/Ri), tức vùng đất từ sông Thạch Hãn đến sông Thu Bồn đất Quảng Nam (nay là Đà Nẵng). Đầu thế kỷ XIV, dưới thời Trần, vùng này được sáp nhập vào lãnh thổ Đại Việt, đổi thành Thuận Châu (khu vực Nam Quảng Trị và một phần tỉnh Thừa Thiên - Huế) và Hóa Châu (phần còn lại của Thừa Thiên - Huế cho đến bờ sông Thu Bồn, nhưng trên thực tiễn ảnh hưởng của Đại Việt khả năng chỉ dừng đến đèo Hải Vân).

<sup>13</sup>*Toàn thư* chép tháng 7 âm lịch, *Tiền biên* chép tháng 2.

Vũ trong đối sánh với “bề tôi trung như Tô Hiến Thành”: “Đương thời [đầu thập kỷ 1150] Anh Vũ nắm quyền, gây cản hiềm khích ngoài biên” [18].

Trong bối cảnh khu vực Đông Á đương thời có nhiều biến động, ở Phương Bắc, nhà Tống đang bị các nước Kim, Tây Hạ dồn xuống phía Nam<sup>14</sup>; ở Đông Nam Á lục địa, đế chế Khmer trỗi dậy đang ở giai đoạn đỉnh cao (thời kỳ Angkor), thế kỷ XII - đầu thế kỷ XIII nhiều lần tấn công vào phủ Nghệ An phía Nam của Đại Việt<sup>15</sup>; chiến dịch quân sự, ngoại giao của Tô Hiến Thành không những có ý nghĩa đảm bảo an ninh biên giới, phòng thủ quốc gia Đại Việt, mà còn có tác dụng giữ gìn trật tự quan hệ hai nước Việt - Chiêm và hòa bình khu vực. Trong vòng trên dưới năm thập niên ở nửa sau thế kỷ XII - đầu thế kỷ XIII, ngoại trừ một lần tấn công nhỏ vào Nghệ An của Champa (1177) [11, 17, 18] mười năm sau chiến thắng của Tô Hiến Thành, đây là khoảng lặng dài nhất của cuộc chiến giữa ba nước trên bán đảo Đông Dương, là Đại Việt và liên minh Chiêm Thành - Chân Lạp. Đến niên điểm 1216, gần 50 năm đối với Champa và 66 năm đối với người Khmer, liên minh này mới trở lại tấn công vào phía Nam của Đại Việt [11, 17, 18, 26].

### 2.3. Quan Tể tướng liêm chính, công minh đối mặt khủng hoảng kế vị

Cuộc tấn công, cướp phá châu Nghệ An của Chiêm Thành tháng 3 năm 1177 tuy có thể coi là không đặc biệt, các bộ chính sử chỉ dành chép một câu; nhưng tin tức đã dội về Thăng Long. Chiêu Linh Hoàng thái hậu đã viện dẫn nguyên cớ này để xúi giục các quan đầu triều mưu phế tân đế Lý Long Cán<sup>16</sup> và lập anh vua là cựu Thái tử Lý Long Xưởng. Khác với hai lần chuyển giao triều đại trước, giữa Nhân Tông với Thần Tông và giữa Thần Tông với Anh Tông, đều diễn ra sóng gió cung đình, thậm chí lan ra ngoài biên ải (Thân Lợi, Thiên Lộc) và ngoại quốc (Lý Dương Côn), lần này, trước âm mưu phế lập của Thái hậu, bày tôi nhất loạt khải đầu: Thái phó là bậc cổ mệnh đại thần, nhận mệnh lệnh sáng rõ của thiên tử, nên dù Thái hậu đã nhiều lần khuyên dụ, bọn thần không ai dám trái lệnh [11, 17, 18].

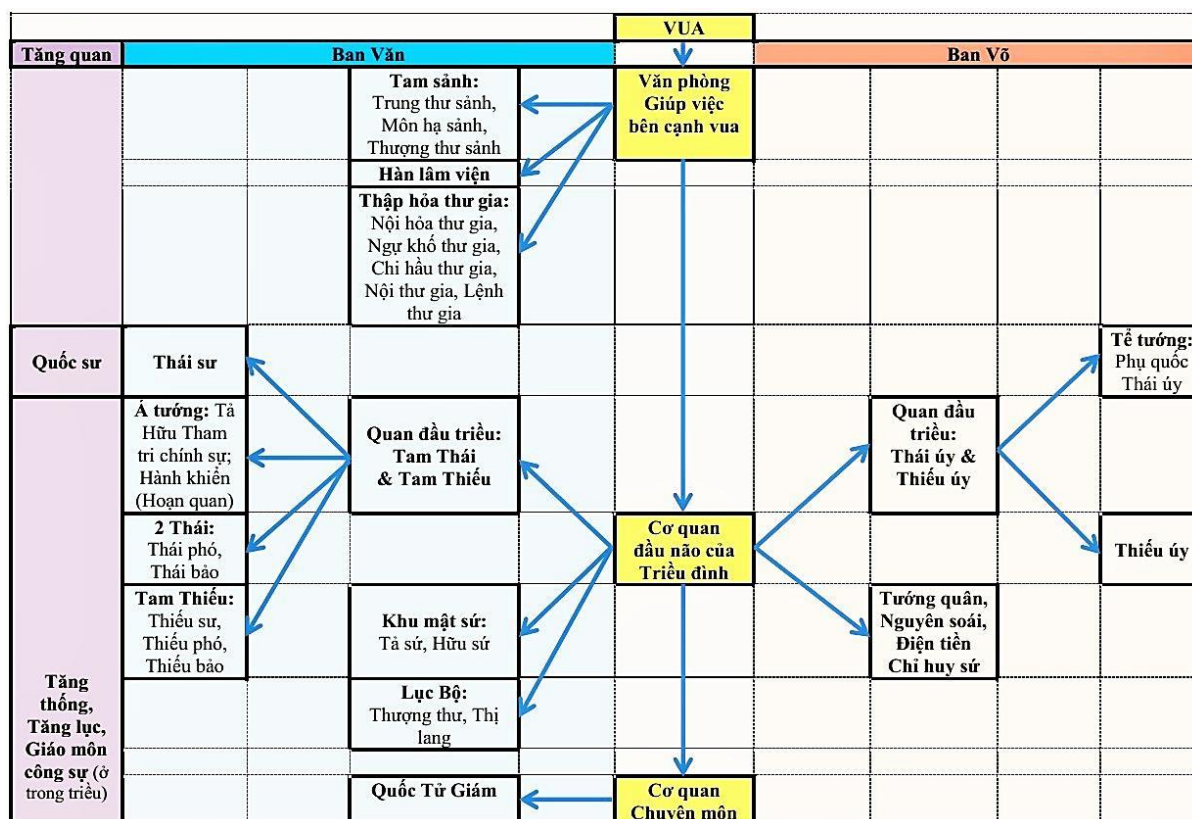
Quan Thái phó ở đây chính là Tô Hiến Thành. Mùa xuân ba năm trước đó (1175), vua Lý Anh Tông lập hoàng tử Long Cán mới hai tuổi làm Hoàng thái tử, đã phong Hiến Thành làm *Nhập nội kiểm hiệu, Thái phó, Bình chương quân quốc trọng sự*, mang tước Vương, nhằm giúp đỡ Đông Cung [11, 17, 18]. Như thế, từ đó, Tô Hiến Thành chính thức giữ chức Tể tướng đầu triều, giúp rập cho Thái tử. Tể tướng là chức quan cao nhất trong thời kỳ quân chủ Đại Việt và Trung Hoa, viên trưởng quan thống lĩnh bách quan văn võ, phụ tá Hoàng đế và đứng tối cao toàn bộ công việc hành chính quốc gia (hình 1). Người được ban chức Tể tướng thường

<sup>14</sup>Ngay năm sau đó, 1168, triều đình Thăng Long đón tiếp cả hai sứ giả của Tống và Kim [17].

<sup>15</sup>Các năm 1128, 1132, 1137, 1149, 1150, 1216 và 1218.

<sup>16</sup>Lý Long Cán (李龍翰), tức vua Lý Cao Tông (trị vì: 1175-1210). Bản dịch các sách *Toàn thư*, *Tiền biên* phiên âm là “Trát” (札), nguyên gốc Hán trong *Toàn thư* là chữ Cán (翰) nhưng thêm một gạch ngang nhỏ giữa hai chữ Nhân (人) và Nhật (日), không rõ chữ gì! Chúng tôi dùng âm và chữ “Cán” như trong *Việt sử lược* và *Cương mục*.

đồng thời được gia phong tước Công (公), đứng đầu Ngũ tước<sup>17</sup> và dưới tước Vương (王), vốn chỉ dành đặt trong hoàng gia và số ít đại trọng thân. Ở Đại Việt, chức vị này có từ sớm (thời Đinh) nhưng được gọi đầy đủ “*Kiểm hiệu Bình chương quân quốc trọng sự*” là từ triều Lý Nhân Tông. Dưới thời Lý, ngoài Tô Hiến Thành, chỉ có Lý Thường Kiệt là người ngoài hoàng gia được ban tước Vương, thể hiện danh vị đỉnh cao triều đại của những nhân vật này [7].



Hình 1. Sơ đồ các chức quan trong triều đình Lý. Nguồn: Đỗ Thị Thùy Lan (nghiên cứu và dựng vẽ) [27].

Vua Anh Tông đã chuẩn bị từng bước cho việc kế vị và “ký thác được người phụ chính hiền tài” [11, 18] là Tô Hiến Thành. Chỉ mấy tháng sau khi lập Thái tử mới và phong Tô Hiến Thành làm Tể tướng, nhà vua không khỏe, gượng sai ông được quyền ẩm Thái tử mà nhiếp chính. Ba tháng sau, mùa thu năm 1175, vua băng, để lại tờ di chiếu cho Tô Hiến Thành làm Phụ chính [17], “công việc quốc gia nhất nhất tuân theo như cũ” [11]. *Đại Việt sử lược* ghi chép và tường thuật rõ, sinh động về diễn biến sau đó để ta hiểu vì sao trong đại yểm mưu phế lập của Chiêu Linh Thái hậu năm 1178 (sự kiện mà sách này lại bỏ qua), tất cả các quan đều nhất trí đồng tâm với “Quan Thái phó”:

Cao Tông “đương tuổi non nớt, chính sự lớn nhỏ đều giao cho Thái phó Tô Hiến Thành. Thái hậu [Chiêu Linh] có ý phế lập, rình lúc Hiến Thành ra ngoài, sai người đem vàng lụa hối lộ cho vợ lẽ ông ta là Lã thị, bảo nói với Hiến Thành. Hiến Thành nói rằng:

<sup>17</sup>Ngũ tước: Công (公), Hầu (侯), Bá (伯), Tử (子), Nam (南) được đặt ra từ thời Tây Chu (1122-771 TCN), Trung Quốc.

“Ta ở ngôi Tể tướng, chịu lời cổ thác của tiên vương để phò ấu chúa. Nay nhận của đứt của người mà mưu phế lập, thiên hạ sẽ nói ta ra sao? Ví thử như mọi người đều bưng tai bịt mắt không biết gì, thời ta lấy lời nào mà bẩm với tiên vương [tiên đế]<sup>18</sup>, ở dưới suối vàng được?”.

Thái hậu biết rằng mưu của mình không thành, song ý vẫn không đổi, bèn vời Hiến Thành đến bảo rằng: “Ông đối với nước đáng gọi là trung đấy. Song tuổi ông cũng đã về chiều, mà lại thờ vua non tuổi, những việc ông làm thì ai biết cho? Chi bằng lập trưởng quân, thì người đó sẽ mang ơn ông, mà cho ông giàu sang lâu dài, há có phải hay không?”. Hiến Thành nói rằng: “Bất nghĩa mà được giàu sang, đó không phải là điều người trung thần nghĩa sĩ vui làm. Huống hồ di chúc của tiên vương, lời nói còn văng vẳng bên tai thì đối với công nghị sẽ ra làm sao? Thần không dám phụng chiếu”, rồi đi nhanh ra” [12]. Sử sách Lê - Nguyễn về sau còn thêm lời Tô Hiến Thành trích dẫn truyện Y Doãn và Hoắc Quang [11, 17, 18], quan nhà Ân và Hán của Trung Quốc, đều làm việc phế truất, có người may mắn hậu vận, có người bị buộc tội phản nghịch.

Tuy nhiên, chỉ nhờ *Đại Việt sử lược* mà ta biết được diễn biến gay cấn sau đó, và hành động cương quyết của Tô Hiến Thành: Sau khi Tô Hiến Thành bất tuân rồi đi, “Thái hậu bèn sai người vời gấp Bảo Quốc vương [Lý Long Xưởng]. Bảo Quốc vương nửa mừng nửa sợ liền lấy thuyền nhỏ đi theo sông Tô Lịch mà vào. Hiến Thành bèn vời các quan chức tả hữu dụ bảo rằng: “Tiên vương thấy ta và các người hết sức phò vua, không ở hai lòng nên mới phó thác ấu chúa cho chúng ta. Nay Bảo Quốc vương nghe lời Thái hậu muốn phế chúa thượng mà tự lập, các người phải hết lòng gắng sức, nghe ta truyền bảo, ai nghe mệnh ta, ta thưởng cho suốt đời, kẻ nào trái mệnh ta, sẽ bị giết ở chợ. Các người nên gắng sức”. Các quan chức ai nấy đều nghe mệnh. Lát sau, Bảo Quốc vương đến cửa Ngân Hà. Thái hậu vời càng gấp. Bảo Quốc vương toan vào, các quan chức đều ngăn lại, nói rằng: “Chúng tôi chưa được nghe chiếu chỉ nên không dám phụng mệnh. Nếu vương cứ cố mà vào thì kẻ phạm đến vương không phải là chúng tôi mà là quân lính đấy”. Bảo Quốc vương nghe nói thế, sợ thẹn mà lui” [12].

Nhờ có sự kiên định của Tô Hiến Thành, sóng gió cung đình Thăng Long chỉ dừng lại ở những càn quấy vô hại của Bảo Quốc vương Long Xưởng sau đó [11, 17, 18]. Cũng có triều đình vào trọng thu năm 1175, thư tịch cổ đều chép tên hai người: *một là* Đỗ An Thuận<sup>19</sup> em trai Thái hậu Đỗ Thụy Châu (mẹ sinh của Cao Tông) giữ chức “Thái sư Đồng bình chương sự”<sup>20</sup>; còn *hai là* Tô Hiến Thành làm Thái úy [11, 12, 17, 18]. Sử quán triều Nguyễn còn đặt nghi ngờ chức “Thái úy” này, bởi niên điểm 1159, Tô Hiến Thành đã từng được phong Thái úy. Lời căn án đó không phải là không có lý khi trong đại yển của Thái

<sup>18</sup>(*Đại Việt sử lược* là sách thời Trần nên ký húy họ Lý chép đổi chữ Nguyễn, có các đại từ “Thái Tô ta” (khi nói về Trần Thừa); sau sách lại lưu lạc sang Trung Quốc, nên bên cạnh việc xóa chữ “Đại” ở quốc hiệu và tên sách, toàn bộ chữ “đế” bị chép hạ thành “vương”. Tiên vương phải được hiểu là Tiên đế, Lý Chiêu Vương chính là Lý Chiêu Hoàng...

<sup>19</sup>*Việt sử lược* chép Đỗ An Thuận (杜安順); *Toàn thư* chép là Đỗ An Di (杜安頤).

<sup>20</sup>*Đại Việt sử lược* chép chức “quan Nội hiến Quốc hầu” [12].

hậu năm 1178, các quan đều nhất loạt gọi “Quan Thái phó”. Có thể hiểu là Tô Hiến Thành được nhấn mạnh thêm quyền lực về quân sự, còn cự tộc Đỗ đứng đầu hàng văn quan, thiên về Nho giáo, với An Di trước sau gì cũng là Thái sư, và với Đỗ Kính Tu, được ban quốc tính (họ Lý) và làm “Đế sư” (thầy dạy học của vua) cho Cao Tông “nơi màn trướng”, còn ngoài cung “thì dạy dân theo *đạo trung hiếu*”. Nhờ thế nói riêng, liên minh Đỗ gia - Tô Hiến Thành<sup>21</sup> nói chung, triều Lý đã chặn được phe cánh Chiêu Linh Thái hậu, khiến từ đó “không dám manh tâm tính chuyện phế lập nữa” [11, 17, 18]<sup>22</sup>. Cũng chính vì vậy, sử sách đều nhận định những năm đầu triều Cao Tông, cũng là những năm cuối đời của Tô Hiến Thành, ông “quản lĩnh cấm binh, nghiêm hiệu lệnh, thưởng phạt công bằng, người trong nước đều quy phục” [11, 17, 18].

#### 2.4. Di sản chính trị và quân sự

Ngô Sĩ Liên đã ca tụng Tô Hiến Thành như một “cột đá giữa dòng” (*Trung lưu ngất hồ chỉ trụ/中流屹乎砥柱*), “nhận việc ký thác con côi, hết lòng trung thành, khéo xử trí khi biến cố”, để dầu có bị “gió lay sóng đập mà vẫn đứng vững” [11, 16]. So sánh với các đại thần được “lãnh di chiếu” phò tá Thái tử kế vị trong giai đoạn nửa sau triều Lý, Tô Hiến Thành quả thực trội vượt. Như Lưu Khánh Đàm có mặt trong chuyển giao giữa Nhân Tông với Thần Tông đã trở nên mờ nhạt trong triều Thần Tông, nhất là so với Lê Bá Ngọc<sup>23</sup>; Đỗ Anh Vũ có mặt trong chuyển giao giữa Thần Tông với Anh Tông, ngược lại, trở thành quyền thần lộng hành tai tiếng; Tuy chỉ là người thảo di chiếu cho Anh Tông, nhưng Tham tri Chính sự Từ Văn Thông đã để bạc vàng giàu sang làm lóa mắt, nhận hối lộ mà tiếp tay cho ba phu nhân của Anh Tông can thiệp việc kế vị [11, 17, 18]; Đỗ Kính Tu, người được coi là kế tục Tô Hiến Thành, có mặt trong chuyển giao giữa Cao Tông và Huệ Tông thì bị sử gia đời sau chê trách là “danh hão”, không giúp rập và đường hướng được cho Huệ Tông, cơ nghiệp nhà Lý tan [11, 17]. Còn Tô Hiến Thành, chẳng những đã ngăn chặn thành công một cuộc khủng hoảng kế vị như thường thấy ở thế kỷ XII, ông cũng không để quyền lực tới thượng và phe phái cung đình chi phối bản thân. Chỉ có Tô Hiến Thành là được bé Thái tử mà nhiếp chính, nhưng ta không thấy có sự cực đoan, lạm dụng quyền lực như Đỗ Anh Vũ trước đó, hay Đỗ An Di sau này<sup>24</sup>. Đứng về phía Thái hậu Đỗ Thụy Châu và họ Đỗ, nhưng di huấn của ông tiến cử người tài cho triều đình đã vượt lên trên sự thiên vị tầm thường của cá nhân cũng như của phe nhóm. Tất cả các biên niên sử đều khắc ghi sự kiện Tô Hiến Thành qua đời [11, 17, 18], trong đó, *Đại Việt sử lược* chép cụ thể ngày Kỷ Dậu, tháng 6 năm Kỷ Hợi (1179):

<sup>21</sup>Tô Hiến Thành thuộc phe cánh Đỗ tộc là đã rõ, từ quan hệ với Đỗ Anh Vũ, đến sự dẫn dắt Đỗ An Di, và với Đỗ Kính Tu thì *Cương mục* còn chép vào cuối đời Anh Tông, Kính Tu cùng với Tô Hiến Thành làm Phụ chính [17].

<sup>22</sup>Niên sử 1182 trong *Đại Việt sử lược* thì chỉ có sự kiện Đỗ An Thuận, lúc này mới được phong Thái sư Phụ chính, uy quyền rất lớn, kiểu như Đỗ Anh Vũ trước đó [12].

<sup>23</sup>Do đó, để hợp lý hóa, *Cương mục* đã thêm Lê Bá Ngọc cũng được gọi vào nhận di chiếu cùng Lưu Khánh Đàm [17].

<sup>24</sup>*Đại Việt sử lược* chép, năm 1182, Cao Tông lấy Đỗ An Thuận làm Thái sư Phụ chính, đương thời ai cũng sợ uy, nếu có việc kiện tụng cần bắt người, Lại ty không bắt được thì An Thuận sai Cận Xa đi bắt là người đó đến ngay. Vì thế Cận Xa nhi của quan Thái sư trở thành uy danh để bắt được người bỏ ngục [12].

“Thái úy Tô Hiến Thành mất. Vua bãi châu bảy ngày (các sách khác chép sáu ngày), ăn chay ba ngày. Trước đây, khi Hiến Thành ở trên giường bệnh, chỉ có quan Tham tri Chính sự Vũ Tán Đường ngày đêm hầu hạ ở bên cạnh, quan Giám nghị Đại phu Trần Trung Tá vì nhiều công việc bận, không có thì giờ rồi rỗi tới thăm Hiến Thành được. Khi bệnh tình Hiến Thành đã nguy kịch, bà Thái hậu (Đỗ Thụy Châu) tới thăm hỏi Hiến Thành rằng: “Nếu có mệnh hệ nào thì ai thay ông được?”. Hiến Thành đáp rằng: “Người mà thường ngày thần biết, chỉ có Trung Tá mà thôi”. Thái hậu nói rằng: “Tán Đường ngày ngày hầu hạ thuốc thang cho ông, sao ông không nói tới là làm sao?”. Hiến Thành đáp lại rằng: “Thái hậu hỏi ai có thể thay thần nên thần mới nói đến Trung Tá, nếu như người hỏi người hầu hạ phụng dưỡng, thì phi Tán Đường còn ai nữa?”. Thái hậu tuy khen Hiến Thành là trung, nhưng rồi cũng không nghe lời ông, lấy Đỗ An Thuận coi việc triều chính” [12].

Màn đối đáp nổi tiếng này cho thấy: *Thứ nhất*, cả hai Thái hậu, Chiêu Linh<sup>25</sup> và Chiêu Thiên Chí Lý (Đỗ Thụy Châu), dù đối đầu nhau trong khủng hoảng kế vị, Chiêu Linh là mẹ hoàng tử trưởng Long Xưởng, Chiêu Thiên sinh ra vua Cao Tông, nhưng đều dành chữ Trung (忠) khen ngợi Tô Hiến Thành; *Thứ hai*, như đã chép rõ, nếu vì tình riêng của bản thân, Tô Hiến Thành phải đề cử Tán Đường thay cho Trung Tá; Và *thứ ba*, ẩn giấu tình vi hơn, nếu vì phe cánh cung đình hẹp hòi, ông hẳn sẽ giới thiệu Đỗ An Di đúng ý Thái hậu, và cũng thuộc gia tộc mà Hiến Thành đã gắn kết lâu dài. Hành động của ông nhận được tất cả lời bàn, lời phê ngưỡng mộ của các sử gia đời sau. Ngô Sĩ Liên khâm phục Tô Hiến Thành trước sóng gió vẫn trụ vững, “*khiến trên yên dưới thuận, không thẹn với phong độ của các đại thần xưa. Huống chi đến lúc sắp chết còn vì nước tiến cử người hiền, không vì ơn riêng, Thái hậu không dùng lời nói của Hiến Thành là việc không may cho nhà Lý vậy*” [11].

Ngô Thì Sĩ phân tích sâu thêm sự kiện cuối đời Tô Hiến Thành và tôn vinh ông sánh với các bầy tôi kiệt xuất của Trung Hoa cũng như Đại Việt triều Lý: “Từ xưa, các bậc đại thần nhận di mệnh giúp chính sự, có thể gửi gắm vua còn nhỏ tuổi, có thể giao cho nắm mệnh lệnh, những địa bàn hàng trăm dặm, không phải là ít. Còn như vua nhỏ mới 3 tuổi cô cút phải ôm ấp trong lòng, bà nội<sup>26</sup> thì ngằm kiềm chế ở bên trong, hằng ngày tìm cách bỏ vua này lập vua khác, phản phúc hàng trăm kế, lần lữa đến 4 năm, xô đẩy ngò vực, *chưa thời nào có việc như vậy. Thế mà một mình Hiến Thành điều khiển công việc dùng quyền hạn của người nhiếp chính chống lại thế lực của người rủ mệnh. Cuối cùng làm yên được vua nối ngôi, định được xã tắc mà không thấy có sự vận dụng khó nhọc của ông. Nếu không phải là bậc rất trung rất công, được khắp kẻ trên người dưới tin cậy, đứ*

<sup>25</sup>Ngô Thì Sĩ đặt giả thuyết Chiêu Linh Thái hậu chính là Cảm Thánh phu nhân Lê thị hay Linh Chiêu Hoàng Thái hậu, mẹ sinh của Anh Tông, bà nội của Cao Tông, và nhận định rằng: Bà ta như thế “giữ nước đã lâu, cho nên được dự vào việc phế vua này, lập vua kia, thường quen thói dùng vàng bạc hối lộ đại thần, Từ Văn Thông đã trúng mưu hối lộ, Vũ Đái lại bị mua chuộc (để không giết Đỗ Anh Vũ). Đến Hiến Thành thì kế đó không thực hiện được, đó là cái may của họ Lý đấy” [18]. Trong *Việt sử tiêu án*, Ngô Thì Sĩ cũng chép là “Tổ mẫu” [28]. Cho dù giả thuyết này cần phải xem xét, nhưng ta vẫn thấy nổi bật lên đức liêm chính của Tô Hiến Thành so với các vị đại thần khác được đề cập.

<sup>26</sup>Ngô Thì Sĩ vẫn theo giả thuyết của mình, đoán định Chiêu Linh Thái hậu là Bà nội của Cao Tông.

vọng tài trí thấu khắp cả người thấy người nghe, thì sao được như thế? Thật đáng gọi là bày tỏ quan trọng của xã tắc, không thẹn với Y Doãn, Chu Công. Có người hỏi: Đạo Thành và Hiến Thành ai hơn? Trả lời rằng: Hai người ấy đều có tài mà chưa dễ ai có được để đảm đương nhiệm vụ phi thường. Duy có Đạo Thành ở vào thế dễ, cho nên công trạng của ông khó nhìn thấy. Hiến Thành gặp phải vận hội khó khăn cho nên công của ông được rạn vỡ. Và lại Thánh Tông tin dùng Đạo Thành lại không giống Anh Tông tin dùng Hiến Thành. Thánh Tông không giao việc nặng nề phó thác con côi, cho nên Đạo Thành không phải giữ tiếng tăm; Anh Tông có lòng thành ký thác con côi, cho nên Hiến Thành không thể trốn tránh hiềm nghi” [18].

Quốc sử quán triều Nguyễn chỉ phê rằng: “Sau Gia Cát Vũ Hầu, chỉ có một người ấy thôi” [17], tức khẳng định Tô Hiến Thành là người duy nhất có thể sánh ngang với Khổng Minh - Gia Cát Lượng của Trung Hoa thời Tam Quốc (cuối thế kỷ II - thế kỷ III SCN).

Có thể nói, Tô Hiến Thành đã để lại di sản là hình mẫu về một nhà lãnh đạo quân sự - chính trị tài năng, liêm chính, cống hiến vì sự ổn định của quốc gia. Những tổng kết về triều đại, đều nhắc đến ông với những giá trị tốt đẹp. Như Ngô Thì Sĩ tổng kết triều đại Anh Tông mà chủ yếu nói về những đóng góp của Tô Hiến Thành: “... Đến cuối năm Đại Định, Anh Vũ đã chết, Hiến Thành được dự chính quyền, giúp đỡ bên trong, chạy vạy bên ngoài, trung thành lo lắng, có cơ cảm phát, đức nghiệp ngày càng tiến, như bùn cát lọc hết thì nước trong chảy ra, mây mù tan hết thì mặt trời sáng tỏ. Luyện kinh giảng võ, chọn tướng sai sứ khiến cho Chiêm Thành phải giữ lễ phiên thần, nhà Tống phải phong là nước lớn, triều đình sáng sửa, biên giới yên lành, hầu như đem lại được nền thịnh trị như thời Thái Tông, Nhân Tông. Tuổi già [Anh Tông] gửi đứa trẻ mồ côi, biết rõ Tô Hiến Thành là người tốt, dù khác họ cũng phong tước Vương, để cho tựa bình phong nhiếp chính mà không nghi ngờ. Đến khi [vua] sắp mất, tinh thần sáng suốt, dặn bảo rõ ràng nghiêm ngặt, trong cung không thể đưa được lời xin bỏ người nọ lập người kia, quan đại thần [Tô Hiến Thành] được làm hết chức trách giúp đỡ, bế vua nhỏ châu mà xã tắc yên lành...” [18].

Ngô Sĩ Liên khi tổng kết về vương triều Cao Tông cũng bàn: “Cao Tông tuổi bé nối ngôi, Chiêu Linh Thái hậu rắp lòng phế lập, thân vua suýt nữa bị nguy. Nhờ có Tô Hiến Thành vốn có quyền vị, nhận ký thác con côi, hết lòng phù hộ, ngôi báu không lay, thiên hạ quy phục, tất phải có mưu hay chúc giời lâu dài với vua rồi” [11].

Thông luận về toàn bộ triều Lý, Ngô Thì Sĩ nhận định: “... Cao Tông lên ngôi không vừa lòng Chiêu Linh Thái hậu, nhờ có Hiến Thành giúp đỡ nên ngôi vua được yên... Các bề tôi trong triều như Đào Cam Mộc giúp vận nước; Lê Phụng Hiểu dẹp yên hoạn nạn; Lý Thường Kiệt mở rộng bờ cõi, Bá Ngọc bảo vệ vua thơ ấu; Đạo Thành giúp việc chính sự buổi đầu; Kính Tu hầu nơi màn trướng; Tử Tư mang sứ mệnh. Tất cả đều tỏ rõ công trạng, rạn vỡ tiếng vang. Nhưng lòng thành khẩn, tài vọng đủ đầy; gánh vác công việc khó khăn vẫn ung dung xoay chuyển, làm cho vua nối ngôi được đúng đắn từ lúc ban đầu, đặt nhà nước vào sự yên ổn thì Tô Hiến Thành là hơn cả”; Đồng thời sử gia cũng liệt

kê “các ông họ Tô, họ Lý”, tức Tô Hiến Thành và Lý Thường Kiệt, là “những người vững vàng không bị thế lực lôi cuốn, đứng vững được ở đời” của Đại Việt thế kỷ XI-XII [18].

Hơn 200 năm sau, bức tranh “*Tứ phụ đồ*” của Thái Thượng hoàng nhà Trần là Trần Nghệ Tông (trị vì: 1370-1395) ban cho Hồ Quý Ly năm Quang Thái thứ 7 (1394) bao gồm bốn nhân vật: Chu Công giúp Thành vương, Hoắc Quang giúp Chiêu Đế, Gia Cát Lượng giúp Hậu Chủ, và Tô Hiến Thành giúp Lý Cao Tông, có ý nhắc nhở Quý Ly noi gương, phò giúp Trần Thuận Tông (trị vì: 1388-1398) [17]<sup>27</sup>. Việc là khanh tướng Đại Việt duy nhất được so sánh với Chu Công Đán, Hoắc Quang và Khổng Minh của Bắc quốc cho thấy, Tô Hiến Thành đã trở thành một bậc đại trung thần của nước Nam.

Ngoài khá nhiều các sắc phong, thần tích liên quan đến thờ phượng Tô Hiến Thành còn lại đến hiện nay [1], di sản thành văn có ít nhất 03 bài thơ của vua Tự Đức, Nguyễn Khuyến và Hoàng Cao Khải dành riêng vịnh về ông, trong đó những từ khóa như “nghĩa trọng tài khinh”, “trượng phu”, “Y Chu” (Y Doãn, Chu Tử), “kim thạch”, “Tứ phụ đồ”... để ca ngợi Thái phó triều Lý:

#### Tô Hiến Thành (Tự Đức)

蘇憲誠

義重財輕是丈夫，

伊周心迹世間無。

臨終一語猶金石，

星日爭輝四輔圖。

*Tô Hiến Thành*

*Nghĩa trọng tài khinh thị trượng phu,*

*Y Chu tâm tích thế gian vô.*

*Lâm chung nhất ngữ do kim thạch,*

*Tinh nhật tranh huy Tứ phụ đồ*

Nguồn: Ngự chế Việt sử tổng vịnh (1874) [29].

Đặc biệt, gần đây một di sản văn khắc mới phát hiện rất có thể liên quan trực tiếp đến nhân vật lịch sử này. Một chiếc trống đồng Đông Sơn muộn, được xác định niên đại vào khoảng thế kỷ II-III đến XI-XII, có dòng minh văn: “辛卯年二月二十四日蘇太傅供養傘員山下場神廟銅鼓一面” (*Tân Mão niên, nhị nguyệt, nhị thập tứ nhật, Tô Thái phó cúng dường Tân Viên sơn hạ tràng/trường thần miếu đồng cổ nhất diện*) (hình 2) [30], nghĩa là: “Ngày 24 tháng 02 năm Tân Mão, Thái phó họ Tô cúng dường thần miếu ở chân núi Tân Viên một trống đồng” [31]. Các nhà khảo cổ và văn tự học xác định đó là Thái phó Tô Hiến Thành, và trong thời của ông, Tân Mão niên là năm 1171. Dưới thời Lý, khi tín ngưỡng Hùng Vương chưa xuất hiện, lễ cúng thần núi Tân Viên muộn nhất có từ thời Nhân Tông, Thần Tông (các niên sử 1072, 1129) [11, 12]; đến triều Anh Tông, năm 1144, tức thời đại của Tô Hiến Thành và 27 năm trước khi Tô Thái phó dâng trống đồng, triều

<sup>27</sup>Chu Công Đán (thế kỷ XII-XI TCN) công thần khai quốc nhà Chu, Hoắc Quang đời Hán Vũ Đế (141 TCN - 87 SCN) và Khổng Minh thời Hậu Hán (25-220).

đình chính thức cho dựng đền thờ thánh Tản [31]. Sách *Việt điện u linh* thời Trần cũng chép về tín ngưỡng này [32].

Tác giả Nguyễn Quang Hà bản khoản về chức danh Thái phó của Tô Hiến Thành vào niên điểm 1171 này. Tuy nhiên, khảo sát kỹ lưỡng nguồn tư liệu thư tịch, ta đã thấy ngay từ khi xuất hiện trong sử sách, năm 1141, Tô Hiến Thành đã là Thái phó. Văn bia về Đỗ Anh Vũ, niên đại 1159, cũng khắc ghi “Thái phó Tô công”. Hiện tượng bổ nhiệm lại chức Thái phó của Tô Hiến Thành năm 1175 cũng không phải là cá biệt, khi ngay sau đó, ông được gia phong Thái úy, trong khi chức vị này đã có từ niên sử 1159. Nếu hiện vật và văn khắc này thực sự liên quan đến Tô Hiến Thành, đây sẽ là một di sản vật thể quý giá về một danh nhân lịch sử đáng được tôn vinh, cách chúng ta ngày nay gần 850 năm.



**Hình 2. Minh văn trống Đông Sơn muện có chữ “Tô Thái phó” năm 1171.** Nguồn: Nguyễn Việt (2023) [30].

### 3. Kết luận

Như thế, không ẩn giấu như vai trò với Nho giáo và khoa cử Nho học, với “Chiến lược biển” đầu tiên của Đại Việt - Việt Nam, khiến các nhà sử học hiện đại phải tình tường suy luận [2, 24]; tư liệu thành văn gồm nhiều loại hình (chính sử triều đại, biên niên sử cá nhân, thư tịch Phật giáo, bi ký, văn khắc), trải qua nhiều thời kỳ của lịch sử và sử học (đương thời thế kỷ XII, các đời Trần - Lê - Nguyễn thế kỷ XIV-XIX) đều thống nhất tái hiện rõ Tô Hiến Thành là người trụ cột về quân sự, chính trị, ổn định quốc gia Đại Việt giai đoạn nửa sau triều Lý. Những đóng góp và vai trò của Tô Hiến Thành trải dài gần bốn thập kỷ, từ đầu những năm 1140 cho đến cuối thập niên 1170, trong đó, trọn vẹn 20 năm đứng đầu triều đình (1159-1179) đánh Tây, dẹp Nam, xây dựng quân đội, chuyển giao triều đại, cũng là quãng thời gian bất chấp những sóng gió cung đình, Đại Việt đạt nhiều thành

tự như Nho giáo, thể chế quân chủ tập quyền, sự chính danh và vị thế quốc gia, quốc tế trong khu vực Đông Á<sup>28</sup>. Những lời nói, hành xử khẳng khái, trung thành, liêm chính, công minh của Tô Hiến Thành trong thời khắc chuyển giao Anh Tông - Cao Tông, và trong mấy năm đầu triều Cao Tông, cũng là những năm cuối cùng của cuộc đời ông (1175-1178), được truyền thừa qua nhiều thế hệ sử sách, lần đầu được hệ thống lại, cho thấy sự đủ đầy và thống nhất. Thư tịch cổ chỉ không phản ánh năm sinh cũng như con đường học vấn, khoa cử của Tô Hiến Thành, như những gì tư liệu dân gian địa phương lưu truyền ở giai đoạn muộn đời sau và cho đến hiện nay. Nhưng khác biệt với nhiều nhân vật lịch sử khác, thậm chí như bậc Nho sĩ nổi tiếng từng được thờ phụng trong Văn Miếu là Trương Hán Siêu (?-1354) thời Trần, những người thường vẫn bị sử sách phê phán ở mặt nọ, điểm kia [33, 34]; Tô Hiến Thành trong từng câu chữ, trang viết đều hiện lên hoàn hảo vượt trội về cả tài năng, cống hiến và phẩm cách, tạo nên những giá trị tốt đẹp bền vững trong hơn tám thế kỷ qua.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] D.T.H. Thao (2019), “Grand preceptor To Hien Thanh: From historical sites and legends to cultural space”, *Proceedings of The Scientific Conference on Prominent Historical Figures in Vietnam's Judicial Activities*, Supreme People's Court, Vietnam Association of Historical Sciences, Ninh Bình, 21pp (in Vietnamese).

[2] D.T.T. Lan (2025), “Confucian official without examination: Tô Hiến Thành in the political-ideological context of the Ly dynasty”, *Proceedings of The Scientific Conference on Preserving and Promoting the Values of the Historical-Cultural Heritage of Dan Phuong Homeland and the Eminent Figure To Hien Thanh*, Vietnam Association of Historical Sciences, Dan Phuong District People's Committee, pp.149-170 (in Vietnamese).

[3] K. Taylor (1986), “Authority and legitimacy in 11<sup>th</sup> century Vietnam”, *Southeast Asia in The 9<sup>th</sup> to 14<sup>th</sup> Centuries*, Institute of Southeast Asian Studies (Singapore) & Research School of Pacific Studies (Australian National University), pp.117-176.

[4] M. Shiro (2009), “Men outside the royal family at the Ly court”, *Proceedings of The Scientific Conference on The 1000<sup>th</sup> Anniversary of the Ly Dynasty and the Capital Thăng Long*, Thế Giới Publishers, pp.305-318 (in Vietnamese).

[5] D.T.T. Lan (2019), “The Buddhist context of the Ly dynasty in the time of Nguyen Minh Khong (1066-1141)”, *Nguyen Minh Khong: Life and Career of a Zen Master*, The Gioi Publishers, pp.53-86 (in Vietnamese).

[6] A. Polyakov (2009), “Further discussion on the secret transfer of power in Dai Viet in the early twelfth century”, *Proceedings of the Scientific Conference on the 1000<sup>th</sup>*

---

<sup>28</sup>Như với việc nhà Tống sắc phong Lý Anh Tông là “*An Nam quốc vương*” năm 1174 [12], thay vì “*Giao Chi quận vương*” như các triều Đinh, Tiền Lê và các đời vua Lý trước đó.

*Anniversary of the Ly Dynasty and the Capital Thang Long*, The Gioi Publishers, pp.52-60 (in Vietnamese).

[7] P.H. Chu (2006), *Classified Compendium of Institutions of Successive Dynasties/Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí*, Vol. I, Education Publishing House, Hanoi (in Vietnamese).

[8] L.M. That (2002), *Collection of Outstanding Figures of the Zen Garden/Thiền Uyển Tập Anh, Collected Works of Vietnamese Buddhist Literature*, Vol. 3, Ho Chi Minh City General Publishing House (in Vietnamese and Sinoscripts).

[9] M. Shiro (2000), “The families of the Ly kings and the emergence of a patrilineal dynasty in Vietnam”, *Vietnam Studies: Proceedings of The First International Conference*, 1, The Gioi Publishers, pp.255-272 (in Vietnamese).

[10] N.V. Thinh (2010), *Epigraphic Inscriptions of The Ly Dynasty*, Vietnam National University Press, pp.255-258, pp.260-262, pp.264-265, p.267, p.274, p.276, p.277 (in Vietnamese and Sinocripts).

[11] *Complete Book of the Historical Records of Dai Viet (Đại Việt sử ký toàn thư)* (1993), translated edition, I, Social Sciences Publishing House, pp.127-128, p.272, p.275, p.277, p.278, p.302, pp.309-319, pp.322-328, p.334, p.337 (in Vietnamese).

[12] T.Q. Vuong (2005), *Abridged Chronicles of Viet (Việt sử lược)*, translated edition and Sino-text, Thuan Hoa Publishing House and East-West Center for Cultural and Linguistic Studies, p.94, p.100, pp.139-142, pp.150-151, pp.153-158, 473pp (in Vietnamese and Sinoscripts).

[13] L. Trac (2024), *A Brief Account of Annam (An Nam chí lược)*, Writers' Association Publishing House, p.246 (in Vietnamese).

[14] P.H. Le (1995), “The Tinh Thiện Lý clan: A newly discovered Vietnam-origin Lý lineage in Korea”, *Xưa & Nay Magazine*, Vietnam Association of Historical Sciences, 11(21) (in Vietnamese).

[15] F. Chengda (2010), *Treatises of The Supervisor and Guardian of The Cinnamon Sea: The Natural World and Material Culture of Twelfth-Century China*, translated and introduced by J.M. Hargett, University of Washington Press, pp.195-196, p.259 (in English and Sinocripts).

[16] *Complete Book of The Historical Records of Dai Viet (Đại Việt sử ký toàn thư)* (1993), Sino-text, IV, Social Sciences Publishing House, pp.148-159 (in Sinoscripts).

[17] National History Office of the Nguyen Dynasty (2007), *Imperially Commissioned Itemized Summaries of The Comprehensive Mirror of Viet History (Khâm định Việt sử thông giám cương mục)*, translated edition, I, Education Publishing House,

p.312, pp.326-327, pp.331-332, p.373, p.378, pp.380-381, pp.389-401, p.413, p.417, pp.359-360, p.668 (in Vietnamese).

[18] *The Prefatory Compilation of The Annals of Đại Việt (Đại Việt sử ký tiền biên)* (1997), translated edition, Social Sciences Publishing House, p.238, pp.275-276, 281-283, pp.287-288, pp.290-298, p.308, pp.317-318 (in Vietnamese).

[19] N.M. Tuong (2015), *The Organization of The Monarchical State Apparatus in Vietnam (939-1884)*, Social Sciences Publishing House, Hanoi, p.74 (in Vietnamese).

[20] D.X. Bang (1997), *Investigations in Historiography (Sử học bị khảo)*, Culture and Information Publishing House, p.511 (in Vietnamese).

[21] P.H. Chu (2006), *Classified Compendium of Institutions of Successive Dynasties (Lịch triều hiến chương loại chí)*, II, Education Publishing House, p.334 (in Vietnamese).

[22] T.Q. Duc (2026), *Family Names and Given Names: A History from The Perspective of Vietnamese Identity*, Thế Giới Publishers, p.76 (in Vietnamese).

[23] N.Q. Ngoc (2022), *Hoang Sa and Truong Sa: Vietnam's Sovereignty - Documents and Historical Truths*, revised and expanded edition, Hanoi Publishing House, pp.72-73 (in Vietnamese).

[24] N.Q. Ngoc (2025), "To Hien Thanh: The first to formulate a maritime strategy for the Dai Viet state", *Proceedings of The Scientific Conference on Preserving and Promoting The Values of The Historical-Cultural Heritage of Dan Phuong Homeland and The Eminent Figure To Hien Thanh*, Vietnam Association of Historical Sciences, Đan Phượng District People's Committee, pp.191-195 (in Vietnamese).

[25] National History Office of the Nguyen Dynasty (2007), *Imperially Commissioned Itemized Summaries of the Comprehensive Mirror of Việt History (Khâm định Việt sử thông giám cương mục)*, Sino-text, Digital Collections of the Vietnamese Nom Preservation Foundation, <https://lib.nomfoundation.org/>, accessed 23 March 2026 (in Sinoscripts).

[26] N.T. Dzong (2010), "On the relations between Dai Viet and Chan Lap from the eleventh to the sixteenth century", *Journal of Historical Studies*, **11(415)**, p.46 (in Vietnamese).

[27] N.Q. Ngoc (Ed.) (2020), *History of Vietnam*, V (1009-1226), National Social Sciences Program Research and Compilation of a Comprehensive History of Vietnam, project code KHXH-LSVN/14-18 (in Vietnamese).

[28] N.T. Si (1960), *Annotated Cases in Vietnamese History (Việt sử tiêu án)*, Asian Culture, p.156 (in Vietnamese).

[29] D.T. Anh Emperor (1970), *Imperially Composed General Poems on Vietnamese History (Ngự chế Việt sử tổng vịnh)*, **Upper Volume**, Classical Texts Division, Office of the State Secretary for Culture, Saigon (in Vietnamese and Sinoscripts).

[30] N. Viet (2023), “Discovery of a bronze drum offered at the foot of Mount Tản”, *Sports & Culture*, <https://thethaovanhoa.vn/phat-hien-chiec-trong-dong-dang-cung-duoi-chan-nui-tan-20230403085711616.htm>, accessed 23 March 2026 (in Vietnamese).

[31] N.Q. Ha (2023), “Some reflections on the inscription engraved on a newly discovered bronze drum bearing the dedication of Grand Preceptor Tô Hiến Thành”, *Nghe An Culture*, <http://vanhoanghean.com.vn/chi-tiet-tin-tuc/may-suy-nghi-ve-dong-min-van-khac-tren-trong-dong-moi-phat-hien-de-danh-thai-pho-to-hien-thanh-dang-cung>, accessed 26 March 2026 (in Vietnamese).

[32] L.T. Xuyen (1972), *Collection of Stories on the Shady and Spiritual World of the Viet Realm (Việt điện u linh)*, Publishing House of Literature, pp.94-95 (in Vietnamese).

[33] D.T.H. Thao (2009), “Vietnamization imprints in Confucianism during the Tran dynasty”, *Journal of Historical Studies*, **8(400)**, pp.26-32 (in Vietnamese).

[34] *Complete Book of The Historical Records of Dai Viet (Đại Việt sử ký toàn thư)* (1993), translated edition, **II**, Social Sciences Publishing House, p.156 (in Vietnamese).

## PHỤ LỤC

| Biên niên sự kiện Tô Hiến Thành                           |      |                                                                                                                                                                     |
|-----------------------------------------------------------|------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Triều vua                                                 | Năm  | Sự kiện                                                                                                                                                             |
| Triều Lý Anh Tông<br>(1137-1175)<br><br>Năm sinh:<br>1136 | 1141 | Tô Hiến Thành làm <i>Thái phó</i> , tham gia chiến dịch đánh Thân Lợi cùng Đỗ Anh Vũ, bắt được Thân Lợi ở Lạng Châu                                                 |
|                                                           | 1143 | Tháng Chạp năm Nhâm Tuất (1142), Tô Hiến Thành tâu vua tha tội cho bè đảng Thân Lợi                                                                                 |
|                                                           | 1156 | <i>Cương mục</i> chép: Việc lập riêng miếu thờ Khổng Tử, thay vì thờ cả Chu Công từ đầu triều Lý (?), vào năm này là do Tô Hiến Thành tâu xin và được vua chuẩn y.  |
|                                                           | 1159 | - Tháng Giêng, Thái phó Tô Hiến Thành phụng chỉ hỗ trợ đám tang Đỗ Anh Vũ;<br>- Tháng 5, Tô Hiến Thành đánh Ngưu Hống, Ai Lao thành công, được phong <i>Thái úy</i> |
|                                                           | 1160 | Tháng 2, cùng Phí Công Tín đi tuyển dân đinh                                                                                                                        |

|                                                 |      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|-------------------------------------------------|------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                 | 1161 | - Tháng 11, làm Đô tướng, cùng Phó tướng là Đỗ An Thuận/ <i>Đỗ An Di</i> đi tuần ven biển Tây Nam, giữ yên biên giới. Vua tiến đến cửa Thần Đầu ở Đại An (tức cửa Thần Phù);<br>- Trọng đông, Thái úy Lưu Khánh Đàm chết.                                                                                                                        |
|                                                 | 1164 | Tháng 3, Tô Hiến Thành đi đánh Man Lộng Lạc ở Giang Mang Quán thành công                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|                                                 | 1165 | Thi học sinh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|                                                 | 1167 | Tháng 7, Thái úy Tô Hiến Thành đi đánh Chiêm Thành thành công                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|                                                 | 1171 | - Ngày 24 tháng 2, Tô Thái phó cúng dường thần miếu ở chân núi Tân Viên một trống đồng (?);<br>- Tháng 4, sửa miếu Văn Tuyên Vương (miếu Không Tử)                                                                                                                                                                                               |
|                                                 | 1175 | - Tháng Giêng, lập Lý Long Cán làm Hoàng Thái tử, ở Đông cung; Phong Tô Hiến Thành làm <i>Nhập nội Kiểm hiệu Thái phó Bình chương Quân quốc trọng sự</i> , tước <i>Vương</i> , giúp đỡ Đông cung;<br>- Tháng 4, vua không khỏe, sai Tô Hiến Thành ăm Thái tử, quyền nhiếp chính;<br>- Tháng 7, vua mất, di chiếu cho Tô Hiến Thành làm Phụ chính |
| Triều Lý Cao Tông (1175-1210)<br>Năm sinh: 1173 | 1175 | Lấy Tô Hiến Thành làm <i>Thái úy</i> (chức cũ, <i>Cương mục</i> nghi ngờ là nhầm)                                                                                                                                                                                                                                                                |
|                                                 | 1176 | Tô Hiến Thành dâng con sẻ trắng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|                                                 | 1178 | - Chiêu Linh Thái hậu ban yến, mưu phế Cao Tông, lập Bảo Quốc vương Lý Long Xưởng, các quan đều không dám làm trái lệnh tiên đế và quan Thái phó cố mệnh đại thần;<br>- Tô Hiến Thành quản lĩnh Cấm binh, nghiêm hiệu lệnh, thưởng phạt công bằng, người trong nước đều quy phục                                                                 |
|                                                 | 1179 | Ngày Kỷ Dậu, tháng 6, Tô Hiến Thành mất (đề cử người kế nhiệm là Trần Trung Tá)                                                                                                                                                                                                                                                                  |

Nguồn: *Việt sử lược*, *Toàn thư*, *Văn bia thời Lý*, *Cương mục* và tư liệu Khảo cổ học.